

85th Parents-Love-Chess Rated Series - Standard

Viimeisin päivitys20.09.2026 11:02:55

Aloitusranking

| Nr |     | Nimi                     | FideID    | FED | Rtg  | sp. | Typ | Kerho/Kaupunki  |
|----|-----|--------------------------|-----------|-----|------|-----|-----|-----------------|
| 1  |     | Nguyễn, Huỳnh Tuấn Hải   | 12402923  | VIE | 2078 |     |     | Storm Pawns     |
| 2  |     | Võ, Đại Hoài Đức         | 12400033  | VIE | 1961 |     | S35 | Masters of Time |
| 3  |     | Nguyễn, Lê Nhật Quang    | 12442925  | VIE | 1946 |     | U16 | Cờ vua Hòa Hưng |
| 4  |     | Nguyễn, Tiến Dũng        | 12443247  | VIE | 1923 |     | U16 | Global Knights  |
| 5  |     | Nguyễn, Đức Khải         | 12436224  | VIE | 1826 |     | U12 | Future Masters  |
| 6  |     | Võ, Ngọc Minh Trí        | 12483230  | VIE | 1789 |     | U12 | Heavy Rooks     |
| 7  |     | Nguyễn, Quang Huy        | 12478962  | VIE | 1758 |     | U12 | Future Masters  |
| 8  |     | Nguyễn, Thành Long       | 12420921  | VIE | 1749 |     |     | Cờ vua Hòa Hưng |
| 9  |     | Phạm, Gia Tường          | 12454060  | VIE | 1737 |     | U16 | Heavy Rooks     |
| 10 |     | Trương, Phúc Nhật Nguyên | 12450480  | VIE | 1736 |     | U08 | Super Kids      |
| 11 |     | Phạm, Minh Hiếu          | 12417726  | VIE | 1732 |     |     | Đồng Nai        |
| 12 | AIM | Ngô, Thanh Tú            | 12426776  | VIE | 1718 |     | S35 | Masters of Time |
| 13 |     | Huỳnh, Thiên Ân          | 12471682  | VIE | 1714 |     | U10 | Boys love Chess |
| 14 | AFM | Lê, Hoàng Nhật Tuyên     | 12471917  | VIE | 1713 |     | U16 | Boys love Chess |
| 15 |     | Ngô, Minh Hằng           | 12426768  | VIE | 1701 | w   |     | Global Knights  |
| 16 | ACM | Nguyễn, Trung Quân       | 12445479  | VIE | 1682 |     | U12 | Flying Bishops  |
| 17 |     | Bùi, Đức Khang           | 12476820  | VIE | 1679 |     | U12 | Boys love Chess |
| 18 |     | Lê, Duy Cường            | 12443654  | VIE | 1559 |     | S35 | Bishop Legion   |
| 19 | AIM | Vũ, Hạo Nhiên            | 12460796  | VIE | 1644 |     | U08 | Super Kids      |
| 20 |     | Đào, Khánh Lâm           | 12445975  | VIE | 1633 |     | U16 | Bishop Legion   |
| 21 |     | Nguyễn, Trần Thiện Thắng | 12470767  | VIE | 1608 |     | U08 | Royal Chess     |
| 22 |     | Trần, Thiện Phúc         | 12432784  | VIE | 1599 |     | U16 | Đồng Nai        |
| 23 |     | Nguyễn, Quốc Khánh       | 12484504  | VIE | 1575 |     | S35 | Masters of Time |
| 24 |     | Nguyễn, Phúc Hoàng       | 12432660  | VIE | 1566 |     |     | Đồng Nai        |
| 25 |     | Nguyễn, Quang Phúc       | 12449253  | VIE | 1554 |     | U10 | Flying Bishops  |
| 26 |     | Đặng, Quang Vũ           | 12490717  | VIE | 1535 |     | U06 | Royal Chess     |
| 27 |     | Nguyễn, Khánh Đăng       | 12439398  | VIE | 1523 |     | U16 | Heavy Rooks     |
| 28 |     | Dương, Danh Phát         | 561008176 | VIE | 1522 |     | U08 | Cờ vua Thủ Đức  |
| 29 |     | Đinh, Nguyễn Mạnh Hùng   | 12475254  | VIE | 1506 |     | U08 | Bishop Legion   |
| 30 |     | Võ, Quang Minh           | 12485047  | VIE | 1484 |     | U08 | Super Kids      |
| 31 |     | Lê, Nguyễn Minh Nghĩa    | 12476447  | VIE | 1481 |     | U12 | Cờ vua Thủ Đức  |
| 32 |     | Đặng, Quang Vinh         | 12490709  | VIE | 1472 |     | U10 | Royal Chess     |
| 33 |     | Lê, Tường Lam            | 12477800  | VIE | 1457 | w   | U10 | Royal Chess     |
| 34 |     | Trần, Thùy Anh           | 12483400  | VIE | 1456 | w   | U08 | Flying Bishops  |
| 35 |     | Nguyễn, Ngọc Như Ý       | 12476293  | VIE | 1450 | w   | U12 | Cờ vua Thủ Đức  |
| 36 |     | Nguyễn, Đàm Gia Khang    | 561006718 | VIE | 1447 |     | U08 | Storm Pawns     |
| 37 |     | Phan, Khắc Hoàng Bách    | 12475165  | VIE | 1401 |     | U12 | Future Masters  |
| 38 |     | Đỗ, Minh Thư             | 561024490 | VIE | 0    | w   | U08 | Đồng Nai        |
| 39 | AFM | Đỗ, Ngọc Minh Long       | 561013510 | VIE | 0    |     | U10 | Storm Pawns     |
| 40 |     | Dương, Hải Bình          | 561000787 | VIE | 0    |     | U10 | Global Knights  |
| 41 |     | Lê, Hoàng Xuân Hiếu      | 561011185 | VIE | 0    |     | U08 | Cờ vua Thủ Đức  |
| 42 |     | Lê, Hồng Anh             | 12494682  | VIE | 0    |     | U12 | Bishop Legion   |
| 43 |     | Lê, Hồng Vũ              | 12494674  | VIE | 0    |     | U12 | Bishop Legion   |
| 44 |     | Lê, Huỳnh Anh            | 561024473 | VIE | 0    |     | U08 | Đồng Nai        |
| 45 |     | Lý, Minh Anh             | 561007978 | VIE | 0    | w   | U10 | Cờ vua Hòa Hưng |
| 46 |     | Nguyễn, Đăng Gia Nhi     | 561022420 | VIE | 0    | w   | U06 | Cờ vua Hòa Hưng |
| 47 |     | Trình, Minh Anh          | 12488747  | VIE | 0    | w   | U06 | Cờ vua Hòa Hưng |
| 48 |     | Vũ, Hoàng Đức            | 561000868 | VIE | 0    |     | U08 | Cờ vua Hòa Hưng |

Turnauksen yksityiskohdat alla <https://chess-results.com/tnr1477662.aspx?lan=18>

Chess-Tournament-Results-Server: Chess-Results